

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30-6-2026

Về việc: Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Hoa;

Bà Đoàn Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3-
Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Minh Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng
05 năm 2026 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 76/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026, giữa các
đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Triệu Thị M, sinh năm 1984;

Căn cước: 015184005760, do Bộ Công an cấp ngày 18/10/2024

Địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bị đơn: Anh Đặng Phúc T, sinh năm 1983;

Căn cước: 015083006208, do Bộ Công an cấp ngày 30/10/2023

Địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2026 và những lời khai tiếp theo
cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Triệu Thị M trình bày:

Chị và anh Đặng Phúc T được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự
nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa
phương năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau
khi cưới chị và anh T chung sống cùng nhau như vợ chồng tại thôn B, xã LT, huyện
V, tỉnh Yên Bái nay là Thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc
được khoảng sáu năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng ngày
càng căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ
chồng thường xảy ra xô xát, cãi cọ. Chị M và anh T đã sống ly thân từ năm 2018
đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn,

chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Đặng Phúc T.

Về con chung: Chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T có hai người con chung là Đặng Ton B, sinh ngày 10/02/2003 và Đặng Ton Đ, sinh ngày 09/8/2006. Cháu B và cháu Đ đã thành niên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tại đơn xin xét xử vắng mặt là anh Đặng Phúc T trình bày:

Anh và chị Triệu Thị M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 tại thôn B, xã LT, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai. Anh và chị M có được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đã lâu anh T chỉ nhớ anh và chị M có đăng ký kết hôn tại thôn B, xã LT nhưng anh không có Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên anh không có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn để nộp cho Tòa án. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ, mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng năm 2012. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm, anh T và chị M đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Triệu Thị M.

Về con chung: Anh và chị Triệu Thị M có hai người con chung là Đặng Ton B, sinh ngày 10/02/2003 và Đặng Ton Đ, sinh ngày 09/8/2006. Cháu B và cháu Đ đã thành niên, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đặng Phúc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 09-06-2026, Tòa án có tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lào Cai, nội dung xác minh thể hiện: Qua rà soát hồ sơ lưu trữ; tra cứu trên dữ liệu hộ tịch và sổ đăng ký kết hôn thì không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa chị Triệu Thị M, sinh năm 1984 và anh Đặng Phúc T, sinh năm 1983, cùng địa chỉ thôn B, xã LT, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai từ thời điểm năm 2000 đến nay.

Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án Tòa án có xác minh tại Thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai. Trưởng thôn B, xã Lâm Giang cho biết: Qua nắm bắt thông tin tại nơi cư trú thì chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi tổ chức cưới hỏi chị M và anh T chung sống cùng nhau tại thôn B, xã LT nay là thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống đến khoảng vài năm gần đây tôi thấy anh T thường đi làm xa thì thoảng mới về, chị M cũng ít có mặt tại gia đình. Đến nay chị M xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc anh T và chị M có đăng ký kết hôn hay không thì trưởng thôn cũng không rõ. Về

con chung: Anh T và chị M có hai người con chung là Đặng Ton B, sinh ngày 10/02/2003 và Đặng Ton Đ, sinh ngày 09/8/2006. Cháu B và cháu Đ đã thành niên. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị M có hay không thì Trưởng thôn không rõ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đều đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T; Về con chung: Có hai con chung là Đặng Ton B, sinh ngày 10/02/2003 và Đặng Ton Đ, sinh ngày 09/8/2006. Cháu B và cháu Đ đã thành niên, chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T; Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Triệu Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị M có đơn khởi kiện về việc Ly hôn (không công nhận vợ chồng) với anh Đặng Phúc T, cư trú tại: Thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai và Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai giải quyết việc hôn nhân của chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Triệu Thị M và anh Đặng Phú T có đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu

thuần. Tại địa phương nơi chị M và anh T sinh sống xác nhận không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T từ năm 2000 đến nay. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Chị M và anh T chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, xử không công nhận chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T có hai người con chung là Đặng Ton B, sinh ngày 10/02/2003 và Đặng Ton Đ, sinh ngày 09/8/2006. Các cháu đã thành niên, chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Hoàn trả lại chị Triệu Thị M số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Triệu Thị M đã nộp theo biên lai số 0002009 ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị M và anh Đặng Phúc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát khu vực 3- Lào Cai;
- Phòng Thi hành án khu vực 3- Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu HS,TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương